

**NỮ THẦN XỨ BẮC GIA NHẬP VÀO TÔN GIÁO MỚI
Ở VÙNG ĐẤT NAM BỘ
(Trường hợp Liễu Ngũ Nương trong thần điện Cao Đài)**

***Tóm tắt:** Hướng đến mục đích khơi mở một hướng nghiên cứu mới về tín ngưỡng Mẫu Liễu (Bà chúa Liễu Hạnh, Chúa Liễu) ở Việt Nam, bài viết này, từ điểm nhìn đương đại, thử luận giải về hình tượng Mẫu Liễu trong thần điện Cao Đài - một tôn giáo mới ra đời ở vùng đất Nam Bộ vào thập niên 1920. Khi gia nhập thần điện Cao Đài, Mẫu Liễu trở thành một trong 9 vị Nữ Phật (hay Tiên Nương) cùng ngự ở Diêu Trì Cung để theo hầu Phật Mẫu (tức Diêu Trì Kim Mẫu hay Cửu Thiên Huyền Nữ). Tục danh của bà là “Liễu” và ở hàng thứ năm trong Cửu vị Nữ Phật, nên được gọi là “Liễu Ngũ Nương” hoặc “Ngũ Nương Diêu Trì Cung”. Trong cách nhìn của tín đồ Cao Đài hiện nay, Bà vừa là Mẫu Liễu của “tín ngưỡng dân gian” lại vừa là Ngũ Nương của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, hay ở một cách diễn đạt khác, là từ “tín ngưỡng dân gian” bước vào điện thần của “tôn giáo mới”. Sự kiện “bước vào” hay “thâu nạp” này có ý nghĩa trên nhiều phương diện, đòi hỏi những khảo cứu chuyên sâu. Ở đây, là nghiên cứu mở đầu, bài viết này dừng ở mức khái quan, để tập trung vào việc nhận thức về vị trí của Mẫu Liễu trong điện thần Cao Đài tại Tây Ninh và tại các địa phương, trong đại lễ Hội Yến Diêu Trì Cung, trong cộ bông vía Mẹ (rằm tháng Tám).*

***Từ khóa:** Liễu Hạnh, Mẫu Liễu, Cao Đài, Liễu Ngũ Nương, Diêu Trì Cung, Phật Mẫu, Cửu vị Tiên nương.*

Dẫn nhập

Cho đến thời điểm hiện tại, Mẫu Liễu và việc phụng thờ Mẫu Liễu - một đề tài hấp dẫn, thu hút sự quan tâm của nhiều học giả trong và ngoài nước - thường hoặc được đặt vào trong phạm vi của văn mạch “tín ngưỡng” hay “tín ngưỡng dân gian/tín ngưỡng dân dã” (tức cấp độ được

* TS., Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

mặc nhiên xem là ở dưới “tôn giáo” hay “tôn giáo thành lập/tôn giáo dân tộc/tôn giáo thế giới”¹), hoặc ở một hướng khác, lại được nhìn nhận như là một hợp thể sinh ra từ nguyên liệu có nguồn gốc từ các tôn giáo lớn đã có mà chủ lưu là Đạo giáo (để trở thành “tôn giáo hỗn hợp nội sinh” hay “tôn giáo dân tộc pha trộn”²). Trên thực tế, dù có chung nhiều giao điểm với nhau, không dễ để phân tách rõ ràng, nhưng vẫn là hai cách tiếp cận khác nhau về đích hướng. Trên cơ sở tiếp thu thành quả của cả hai hướng tiếp cận đó, ở bài viết này, chúng tôi tựa như thực hiện một thử nghiệm đầu tiên cho hướng tiếp cận thứ ba: đặt “tín ngưỡng Mẫu Liễu” vào trong quan hệ nhiều chiều với “tôn giáo mới”.

Ở cách tiếp cận thứ ba, hiện tại, có thể thấy hai hướng vận động của “tín ngưỡng Mẫu Liễu” trong thế kỷ XX về phía “tôn giáo” và “tôn giáo mới”.

Hướng thứ nhất là vận động tự thân của tín ngưỡng Mẫu Liễu, với mục đích tự mình trở thành một tôn giáo dân tộc với sự hoàn bị về giáo hội, giáo lý, giáo luật, giáo chủ. Đó là vận động của những tổ chức như *Ủy ban Vận động Thành lập Giáo hội* ở Sài Gòn, hay của *Tổng hội Thiên tiên Thánh giáo* ở Huế, trong các thập niên 1960 và 1970 [Hưng Thế Nguyên, 1967; Khuyết danh 1964, 1967], mà thành phần chủ chốt là những thanh đồng thờ phụng Mẫu Liễu cùng chư vị thuộc Tam phủ - Tứ phủ. Các tổ chức này, như tên gọi, hoạt động với mục đích “thành lập giáo hội” cho *Việt giáo* hay *Thiên tiên Thánh giáo*. Trong hệ thống điện thần của *Việt giáo* và *Thiên tiên Thánh giáo*, Mẫu Liễu tức “Vân Hương Thánh Mẫu” (theo cách gọi của người Việt) hay “Thiên Y A Na” (theo cách gọi của người Chăm) được tôn là đại diện cho Thượng Đế và Vua Mẫu, và trên thực tế, tựa như trở thành giáo chủ (trong vai trò là con gái của Ngọc Hoàng Thượng Đế, vừa chủ quản Thiên phủ, lại vừa là Thánh Mẫu). Tuy nhiên, do không đủ các điều kiện để được sự phê chuẩn của nhà đương cục, kết quả là các vận động này đã không đủ sức đưa “tín ngưỡng Mẫu Liễu” lên thành “tôn giáo mới”. Rút cục, dù đã được nâng cấp cả trên phương diện lý luận mang tính giáo lý và phương diện tổ chức, nhưng tín ngưỡng Mẫu Liễu vẫn chưa ra khỏi phạm vi của “tín ngưỡng dân gian”. Về chi tiết của hướng vận động thứ nhất này, chúng tôi sẽ trở lại ở những dịp khác.

Ở hướng vận động thứ hai, như sẽ trình bày ở dưới đây, vị nữ thần lòng danh của xứ Bắc là Mẫu Liễu đã được một “tôn giáo mới” ra đời ở vùng đất Nam Bộ vào thập niên 1920, là Cao Đài, thôn nạp, để trở thành

một trong chín vị Nữ Phật/Tiên Nương theo hầu Phật Mẫu (tức Diêu Trì Kim Mẫu hay Cửu Thiên Huyền Nữ), cùng ngự ở Diêu Trì Cung. Tục danh của bà là “Liễu” và ở hàng thứ năm trong Cửu vị Nữ Phật, tức “Ngũ Nương”, nên còn được gọi là “Liễu Ngũ Nương” hoặc “Ngũ Nương Diêu Trì Cung”. Trong cách nhìn của tín đồ Cao Đài hiện nay, bà vừa là Mẫu Liễu của “tín ngưỡng dân gian” lại vừa là Ngũ Nương của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, hay ở một cách diễn đạt khác, là từ “tín ngưỡng dân gian” bước vào điện thần của “tôn giáo mới” [Tự Pháp Vân Đăng, 2009; Hồng Phúc, 2010]. Sự kiện “bước vào” hay “thâu nạp” này có ý nghĩa trên nhiều phương diện, đòi hỏi những khảo cứu chuyên sâu. Ở đây, như một nghiên cứu bước đầu, bài viết này mới dừng ở những khái quan mang tính chấm phá, mà chưa đi vào những luận giải chi tiết.

1. Liễu Ngũ Nương trong điện thần Cao Đài tại Thánh địa Tây Ninh

Trong hệ thống thờ tự của Cao Đài, có hai kiến trúc giữ vị trí trung tâm, là Thánh Thất và Điện thờ Phật Mẫu. **Thánh Thất** thờ Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế, tức Đấng Cao Đài (“Giáo chủ Tam giáo và Ngũ chi Đại đạo”), là Cha thiêng liêng, ngôi Dương (ở thánh địa Tây Ninh là *Tòa Thánh Tây Ninh* hay còn gọi là *Đền Thánh*). **Điện thờ Phật Mẫu** thờ Đức Phật Mẫu, tức Đức Diêu Trì Kim Mẫu, là Mẹ thiêng liêng, ngôi Âm (ở Thánh địa Tây Ninh hiện là *Báo Ân Từ*, ở các địa phương là *Điện thờ Phật Mẫu*). Cùng được thờ bên cạnh Cha ở Thánh Thất, và bên cạnh Mẹ ở Đền thờ Phật Mẫu, là nhiều vị Thần, Thánh, Tiên, Phật khác [Trần Văn Rạng, 1973; Thanh Minh, 1990; Nguyễn Thủy, 2010: 9 - 20]. Liễu Ngũ Nương là một trong chín vị Nữ Phật (cũng gọi là Tiên Nương) ở bên cạnh Đức Phật Mẫu.

Trong vũ trụ quan của Cao Đài giáo, ban đầu vũ trụ chỉ là khoảng không gian vô tận, chỉ có khí Hư Vô, khi phát nổ thành tiếng lớn đã sinh ra Ngọc Hoàng Thượng Đế. Đó là Thái Cực. Thái Cực sinh ra Lưỡng nghi, là Âm quang và Dương quang. Thượng Đế chương quản Dương quang, và lại tự hóa thân ra Phật Mẫu để chương quản Âm quang. Đức Phật Mẫu cho Dương quang và Âm quang phối hợp với nhau, tạo ra vũ trụ vạn vật, bao gồm con người. Mỗi con người có tam thể xác thân: *xác thân phàm* (do cha mẹ phàm trần sinh dưỡng), *xác thân thiêng liêng* (tức *chơn thân*, do Đức Phật Mẫu tạo ra ở Diêu Trì cung), *linh hồn* (tức *chơn linh*, do Thượng Đế ban cho). Như vậy, Thượng Đế là Cha của *chơn linh*, Đức Phật Mẫu là Mẹ của *chơn thân*, còn thể xác thì có cha mẹ phàm trần.

Cho nên, con người cần phải thờ cha mẹ phàm trần của mình, và Cha Mẹ thiêng liêng (Thượng Đế và Đức Phật Mẫu).

Ở Thánh địa Tây Ninh, Đức Phật Mẫu được thờ tại Báo Ân Từ (nơi vốn để thờ các bậc anh tài tiền bối). Hiện nay, Báo Ân Từ vẫn được cho là nơi thờ tạm, bởi đền thờ chính dự định trên một khoảng đất lớn có quy mô bằng với Đền Thánh (“vì ngôi Dương với ngôi Âm là đồng quyền với nhau”). Ngôi đền chính đó sẽ được xây cất khi có đủ điều kiện [Thanh Minh, 1990: 4; Trần Văn Rạng, 2011: 125].

Theo các ghi chép về lịch sử Cao Đài giáo, thì vào năm 1947, khi Đền Thánh tại Tây Ninh được xây dựng xong, vì đã cạn kiệt nguồn vốn, chưa thể kiến thiết luôn Đền thờ Phật Mẫu, nên Hộ pháp Phạm Công Tắc lệnh cho mở rộng Báo Ân Từ (đã xây xong năm 1932) để tạm thờ Đức Phật Mẫu [Trần Văn Rạng, 2011: 15]. Lúc đó, Báo Ân Từ còn là tòa kiến trúc lợp ngói, cột cây [Thanh Minh, 1990: 5].



Hình 1: Tượng đắp nổi của Đức Phật Mẫu và Cửu vị Tiên nương³

Cùng năm 1947 (tháng Giêng, năm Đinh Hợi), Hộ pháp Phạm Công Tắc cho làm lễ rước Quả Càn Khôn về an vị trong Đền Thánh (mùng 8), và lễ cúng Phật Mẫu tại Báo Ân Từ (mùng 9). Ông đã cho lập ba ban thờ với ba linh vị viết chữ Hán trong Báo Ân Từ, gồm: *Diêu Trì Kim Mẫu* 瑤池金母 (ở giữa), *Cửu vị Tiên nương* 九位仙娘 (bên tả), *Bạch Vân động chư Thánh* 白雲崗諸聖 (bên hữu) [Thanh Minh, 1990: 5].



Hình 2: Ban thờ Đức Phật Mẫu và Cửu vị Tiên nương⁴

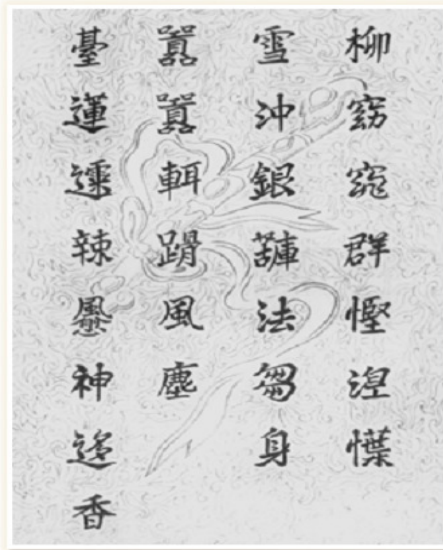
Vào ngày rằm tháng 8 năm Đinh Hợi (1947) đó, trước Báo Ân Từ, Hộ pháp Phạm Công Tắc, với tư cách là giáo chủ của Cao Đài, đã thuyết pháp về “Phật Mẫu chơn kinh”. Đoạn kết của bài thuyết pháp như sau:

“Chí Tôn có sai con của Người đến lập Đạo như Thích Ca, Jesus, Không Tử,... Thời kỳ này Người đã xuất nguyên linh của Người đến dạy dỗ chúng ta, thì tướng điều ấy trọng yếu hơn hết. Khi mở đạo Cao Đài, Chí Tôn định cho Phật Mẫu đến giáo đạo cho chúng ta, bảo trọng nuôi nấng, dạy dỗ chúng ta thì không ơn đức nào bằng, vì không ai biết thương con muốn cho con nên người, bảo trọng bình vực con hơn Mẹ. Phật Mẫu đến cầm quyền lập Đạo xong rồi giao lại cho Chí Tôn, Phật Mẫu là chủ Âm Quang, Chí Tôn là chủ Dương Quang, Âm Dương tương hiệp. Đạo Cao Đài nương theo năng lực của hai khối Âm Dương đó, hể

đối với năng lực tạo ra Càn Khôn Thế Giới thế nào, thì Đạo Cao Đài ngày kia sẽ có năng lực như thế đó” [Trần Văn Rạng, 2011: 142].

Đến năm 1952, nhân khi tu sửa Báo Ân Từ, Hộ pháp cho đắp nổi các vị tượng, gồm: 1) Trên cao nhất là tượng Phật Mẫu cưỡi thanh loan; 2) Dưới đó là 9 pho tượng của cửu vị Tiên Nương; 3) Tiếp theo là 4 vị nữ nhạc theo hầu Phật Mẫu (Đồng Song Thành, Vương Tử Phá, Hứa Phi Yến, An Phát Trinh); 4) Tượng Đông Phương Sóc quỳ gối dâng 4 trái đào (xem Hình 1, và Hình 2).

Cửu vị Tiên Nương theo hầu Phật Mẫu gồm: 1) *HOA nhất nương* (thủ bối là cây tì bà, mặc áo xanh, ở bên trái Phật Mẫu, cai quản vườn Ngạn Uyển, tầng trời thứ nhất); 2) *CẨM TÚ nhị nương* (lư hương, áo xanh, bên phải, chăm quản vườn đào, tầng trời thứ hai); 3) *TUYẾN tam nương* (long tu phiến, áo vàng, bên phải, chèo thuyền Bát Nhã, tầng trời thứ ba); 4) *GẤM tứ nương* (kim bồng, áo xanh, bên phải, giám khảo chọn văn tài cho mỗi khoa thi, tầng trời thứ tư); 5) *LIỄU ngũ nương* 柳五娘 (như ý, áo đỏ, bên trái, tầng trời thứ năm); 6) *HUÊ lục nương* (phước tiêu diêu, áo đỏ, bên phải, tầng trời thứ sáu); 7) *LỄ thất nương* (liên hoa, áo vàng, tầng trời thứ bảy); 8) *HỒ HÓN bát nương* (hoa lam, áo xanh, bên phải, tầng trời thứ tám); 9) *KHIẾT cửu nương* (thổi ống tiêu, áo xanh, bên phải).



Hình 3: Bài thái hiến lễ Ngũ Nương viết sang chữ Nôm, có chữ *Liễu* ở đầu⁵

Tín đồ Cao Đài xem Diêu Trì Kim Mẫu là Mẹ Sinh của toàn nhân loại, còn cửu vị Tiên nương là Mẹ Độ với ý nghĩa như là những đấng cứu mang và che chở cho con người, nên có khi còn gọi là Chín Mụ Bà [Huệ Phong, 1995: 33].

Hình tượng Ngũ Nương được kinh sách Cao Đài miêu tả là: cô mặc áo đỏ, cầm bùa pháp Như Ý, ngồi bên trái Phật Mẫu. Ngũ Nương ở cõi trời Xích Thiên (tầng trời thứ năm), mở ải quan, nghênh tiếp chơn hồn đến Đài Chiếu Giám (hay Minh Cảnh Đài) để xem lại các hành vi thiện ác của kiếp sống vừa trải qua trên cõi trần, từ đó hiểu được “rõ ràng tội phước căn sinh”. Sau đó, lại đưa chơn hồn tới cung Ngọc Diệt Hình, mở quyển Vô Tự Kinh (kinh không có chữ) để thấy rõ quả duyên của mình. Sau lại cho chơn hồn cõi Kim Quang yết kiến Lão Quân. Ở đó học Đạo trong 9 ngày, rồi ngồi xe Như Ý lên cõi Kim Thiên (tầng trời thứ sáu) [Thanh Minh, 1990: 18; Đức Nguyên 2012b: 148].

Ngũ Nương được cho là mang tên **Liễu** 柳 trong một kiếp giáng trần. Do đó, bài thài⁶ hiến lễ cho Ngũ Nương trong Hội Yến Diêu Trì cung mở đầu bằng chữ Liễu (thơ theo thể song thất lục bát):

LIỄU yếu diệu còn ghen nét đẹp

Tuyệt trong ngần khó phép so thân

Hiu hiu nhẹ gót phong trần

Đài sen mấy lượt gió thân đưa hương.

[Thanh Minh, 1990: 19; Đức Nguyên, 2012b: 148].

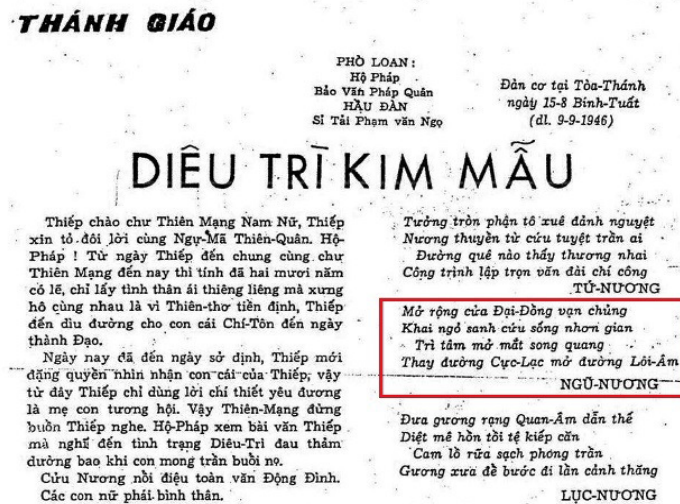
Theo giáo sử thì bài thài này đã có từ tháng 10 năm 1925, trong lần đầu tiên cửu vị Tiên Nương cùng giáng cơ với Đức Phật Mẫu. Tức là trước khi Cao Đài chính thức khai đạo.

Sau khai đạo, mỗi khi có dịp giáng cơ, Ngũ Nương thường sẽ cho thơ có chữ *Liễu* ở đầu bài như thấy trong bài thài đầu tiên vào năm 1925 nói trên (xem Hình 3). Theo diễn giải của các tín đồ Cao Đài, chữ *Liễu* 柳 này là gắn với *Liễu Hạnh công chúa* 柳杏公主. Chẳng hạn, soạn giả Trần Văn Rạng có thuật lại rằng, vào cuối năm 1970, ông được Đức Cao Thượng Sanh gửi gắm việc biên soạn tài liệu về phái nữ trong Cao Đài (Cao Thượng Sanh có tục danh là Cao Hoài Sang, 1901-1971, một trong ba người chứng kiến cửu vị Tiên Nương giáng cơ tháng 10 năm 1925, và là một trong 12 tông đồ đầu tiên lập đạo). Sự kỳ thác đó là một nguồn động

lực đề Trần Văn Rạng biên soạn nên cuốn *Công đức Đức Phật Mẫu, Cửu vị Nữ Phật*. Khi gửi gắm công việc, Cao Thượng Sanh có trao cho soạn giả một số tư liệu, trong đó, trang đầu tiên có ghi rõ: “Ngũ Nương tên Liễu Hạnh, ở Nam Định (Bắc phần): Mẫu Liễu”. Sau này, trong cuốn sách của mình, Trần Văn Rạng đã thuyết minh về Ngũ Nương như sau:

“(Thích nghĩa) Cây liễu mềm mại yếu điệu còn thua nét đẹp duyên dáng của Cô. Tuyệt trong ngần làm sao sánh kịp da dẻ trắng hồng của Cô. Cô coi nhẹ chốn bụi trần mà nhẹ gót thơ thới theo mây gió về cõi Phật (Đài sen). (Giải nghĩa) Cô Liễu Hạnh tự vịnh phong cách của mình với cây liễu. Cô là Ngũ Nương Diêu Trì Cung, có bốn phận siêu độ các linh hồn đắc đạo về Bạch Ngọc Kinh (tức cõi Thiêng liêng Hằng sống). Nhờ xe Như Ý đưa linh hồn viên mãn đến cõi Xích Thiên, khai Kinh Vô Tự phán đoán căn quả. (Sự tích) Vào đời Hậu Lê, năm 1557 ở thôn Thái An, tỉnh Nam Định, có nhà họ Lê, vợ mắc bệnh suy nhược không sinh đẻ được (...). Để tỏ lòng biết ơn Bà, dân chúng xây đền thờ Bà ở nhiều nơi như: Phủ Giầy (Nam Định), Đền Sòng, Phố Cát (Thanh Hóa), Đền Sùng Sơn (Hà Nội)... Bà là Ngũ Nương ở Cung Diêu Trì, có phận sự phổ độ nhơn sanh đồng bằng Bắc phần và Bắc Trung phần Việt Nam theo Đạo Cao Đài” [Trần Văn Rạng, 2011 : 69-70].

Thuyết minh tương tự như vậy còn thấy ở nhiều trước tác khác của hệ Cao Đài (nhất là trong những tác phẩm gần đây).



Hình 4: Một bài thơ được Lục Nương ban tặng khi giáng cơ năm 1946⁷

Theo tìm hiểu của một soạn giả quan trọng khác là Đức Nguyên (Nguyễn Văn Hồng) - người soạn bộ *Cao Đài từ điển* - thì Ngũ Nương rất ít giáng cơ (nguyên văn “Ngũ Nương không thường giáng cơ dạy Đạo”) [Đức Nguyên, 2012b : 149]. Ở đây, xin dẫn một bài thơ mà Ngũ Nương ban tặng vào năm 1946 (xem Hình 4), trong lần giáng cơ tại Tòa Thánh Tây Ninh cùng với Diêu Trì Kim Mẫu và các vị Tiên Nương khác. Bài này xuất hiện chữ *Liễu* ở đầu, mà mới là *Ngũ Nương*, rằng:

Mở rộng cửa Đại Đồng vạn chúng

Khai ngõ sanh cứu sống nhân gian

Trì tâm mở mắt song quang

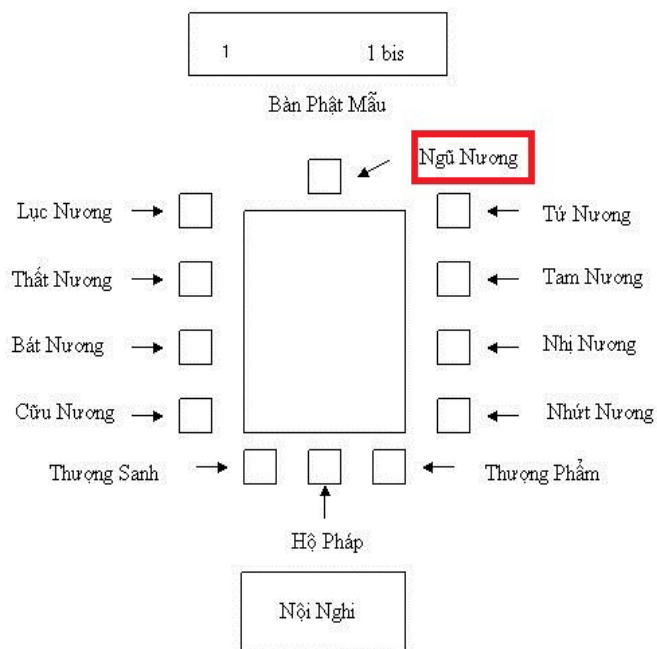
Thay đường cực lạc mở đường Lôi Âm.

2. Vị trí của Liễu Ngũ Nương trong đại lễ Hội Yến Diêu Trì Cung

Ở Thánh địa Tây Ninh, hằng năm có ba dịp lễ hội lớn, gồm: vía Chí Tôn (Cha) tháng Giêng, vía Phật Mẫu (Mẹ) tháng Tám, ngày khai đạo. Các tín hữu có bốn phận về Tòa Thánh, trước là dự lễ, sau là họp trù hoạch chương trình hành đạo trong năm [Tự Pháp Vân Đăng, 2009: 44]. Vào dịp vía Mẹ hiện nay, có hàng trăm nghìn lượt tín đồ Cao Đài đổ về Thánh địa⁸.

Nghi lễ trung tâm trong dịp vía Mẹ là đại lễ Hội Yến Diêu Trì Cung. Hội Yến Diêu Trì Cung được tổ chức tại Báo Ân Từ, vào buổi tối (bắt đầu khoảng lúc 21h) ngày rằm tháng 8, do chức sắc Hiệp Thiên Đài làm chủ lễ. Các vị chức sắc này là các con, tất cả đều mặc đồng phục màu trắng và không phân biệt phẩm cấp (thể hiện tinh thần bình đẳng⁹), dâng Tam Bửu (hoa, rượu, trà) lên cho Mẹ (Đức Phật Mẫu và cửu vị Nữ Phật).

Nghi lễ Hội Yến Diêu Trì Cung được tổ chức từ sự tích ba đồ đệ đầu tiên là Cư - Tắc - Sang (Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang) bày tiệc tại nhà riêng ông Cư ở Sài Gòn để thết đãi Phật Mẫu và cửu vị Tiên Nương vào ngày rằm tháng 8 năm Ất Sửu (tức ngày 1 tháng 10 năm 1925). Ngày nay, sự tích đó được quen gọi là “Sự tích Hội Yến Diêu Trì Cung”. Theo lời phê của Hộ pháp Phạm Công Tắc từ năm Tân Mão (1951), thì “Hội Yến Diêu Trì Cung là lễ đặc biệt, Hiệp Thiên Đài chủ quyền, và **chỉ làm tại Đền thờ Phật Mẫu tại Tòa Thánh mà thôi** (CXG nhấn mạnh), không nơi nào có phép làm lễ ấy. Nếu sai lệnh sẽ bị trừng phạt một cách nghiêm khắc” [Trần Văn Rạng, 2011: 133-134]. Có nghĩa là, Hội Yến Diêu Trì Cung chỉ được tổ chức ở trung ương (tức Báo Ân Từ hiện nay), các địa phương (tức các Điện thờ Phật Mẫu ở địa phương) không được phép làm.



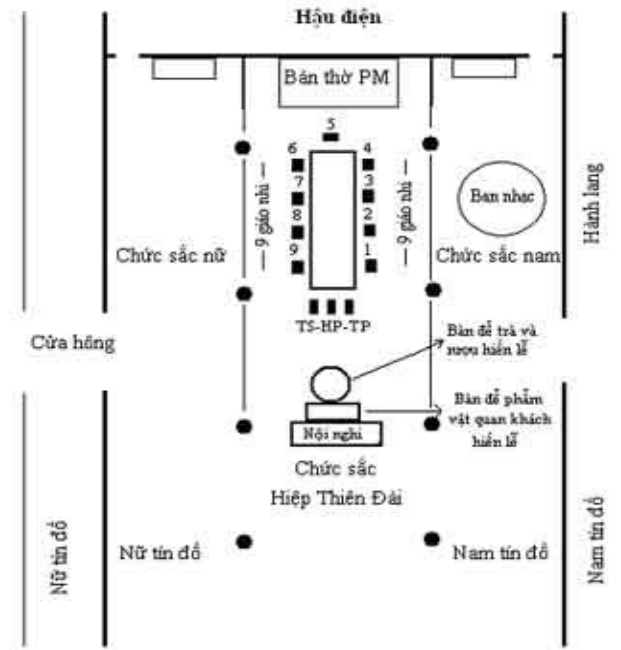
Hình 5: Sơ đồ bày ghế bàn tiệc trong Hội Yến Diêu Trì Cung¹⁰



Hình 6: Bàn tiệc trong Hội Yến Diêu Trì Cung năm 2013¹¹

Việc sắp xếp bàn tiệc cho các Mẹ trong Hội Yến Diêu Trì Cung thể hiện một ý niệm rằng, đây chính là tái hiện lại buổi tiệc họp mặt vào rằm tháng 8 năm 1925 giữa các đấng vô hình (là Đức Phật Mẫu cùng cửu vị Tiên Nương) với ba người hữu hình là các ông Cư - Tắc - Sang (sau này là Thượng Phẩm - Hộ Pháp - Thượng Sanh), có sự chứng kiến của Đức Chí Tôn. Tiệc có 14 khẩu phần, trong đó có 12 ghế ngồi ghi danh xưng được sắp quanh bàn theo như sơ đồ ở Hình 5 và Hình 7 (ảnh ở Hình 6).

Danh xưng ghi trên mỗi ghế bọc nệm vải trắng đều là chữ thêu cỡ lớn. Từ “Nhứt Nương” đến “Tứ Nương” thì ở cạnh bàn bên tay phải (theo hướng nhìn từ ngoài về phía Bàn Phật Mẫu), từ “Lục Nương” đến “Cửu Nương” thì ở cạnh bàn bên tay trái. Ba vị “Hộ Pháp”, “Thượng Phẩm”, “Thượng Sanh” thì ở đầu bàn phía ngoài. Vị trí của “Ngũ Nương” là ở đầu bàn đối diện với ba vị này (xem Hình 5), hay ở cách diễn đạt khác thì: “ở chính giữa, day lưng vào Bàn thờ Đức Phật Mẫu là ghế của Ngũ Nương”. Trước mặt mỗi vị có 1 bình hoa tươi, 1 cái ly để chứa rượu Champagne, 1 cái tách để đựng trà.



Hình 7: Sơ đồ toàn cảnh buổi lễ Hội Yến Diêu Trì Cung¹²

Về sự tham dự của Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu thì được giải thích như sau: “Trên bàn thờ Phật Mẫu nơi số 1 cũng có 1 cái ly và 1 cái tách đó là phần của Phật Mẫu. Còn bên mặt số **1bis** cũng có 1 cái ly và 1 cái tách để kính Chí Tôn. Vì lễ này Đức Phật Mẫu làm chủ, Chí Tôn có dự nhưng dùng Bí Pháp ẩn thân không xuất hiện, đầu Phật Mẫu cũng không thấy. Nhưng chúng ta phải kính (kính trọng - BBT) Đức Chí Tôn nên khi chước rượu hoặc trà cho Phật Mẫu thì cũng phải chước rượu trà cho Chí Tôn nơi số 1bis” [Giải Tâm, 1978].

Các nghi lễ diễn ra trong Yến Hội sẽ theo trình tự như sau: 1) Bái lễ và cung thỉnh Phật Mẫu và cửu vị Nữ Phật giáng lâm; 2) Xông hương cho các ghế ngồi (chức sắc cao cấp của Hiệp Thiên Đài thực hiện); 3) Tấu 5 bài cổ nhạc để cung hiến các vị; 4) Phần thài hiến lễ dâng Tam Bửu (bông/hoa, rượu, trà). Thài làm 3 tuần: tuần đầu dâng hoa, tuần giữa dâng rượu, tuần cuối dâng trà. Mười ba bài thài (thơ hiến lễ) cho Đức Phật Mẫu, cửu vị Tiên Nương, ba vị Hộ Pháp - Thượng Phẩm - Thượng Sanh được thài lần lượt ở mỗi tuần; 5) Bái lễ kết thúc [Tùng Thiên - Từ Bạch Hạc, 2010, “Chương 4”]. Trước đây, khi Hộ pháp Phạm Công Tắc còn tại thế, trong Hội Yến Diêu Trì còn có phần đàn cơ cầu tại Báo Ân Từ để thỉnh Đức Phật Mẫu và cửu vị Nữ Phật dạy đạo [Giải Tâm, 1978].

Như vậy, trong Hội Yến Diêu Trì Cung, cũng như các vị khác, Ngũ Nương được hiến lễ ba tuần Tam Bửu, mà mỗi tuần là có một lần thài bài hiến lễ có chữ *Liễu* ở đầu (xem Hình 3). Kết thúc mỗi lần thài là một lần xướng danh hiệu “**Nam Mô Ngũ Nương Diêu Trì Cung**”. Người dâng Tam Bửu sẽ lạy 3 lạy 9 gập (mỗi lạy gập ba lần), mỗi gập thì niệm danh hiệu của vị vừa được dâng.

3. Vị trí của Liễu Ngũ Nương trong cộ bông díp vĩa Mẹ

Cũng trong dịp vĩa Phật Mẫu, tại Thánh địa, còn có hoạt động trưng bày tại các gian hàng của các họ đạo Cao Đài đến từ nhiều tỉnh thành. Mỗi họ đạo dựng một gian trưng bày ở xung quanh Báo Ân Từ, có treo biển tên họ đạo ở ngoài, bên trong thì trang trí nhiều phẩm vật, đèn hoa rực rỡ. Đặc biệt đáng chú ý là các mô hình về sự tích Hội Yến Diêu Trì Cung. Hình ảnh Đức Phật Mẫu và cửu vị Nữ Phật cưỡi thanh loan (mô phỏng theo mẫu ở bên trong Báo Ân Từ) được các họ đạo thể hiện một cách khéo léo và đa dạng (xem Hình 8). Các gian trưng bày thường rất hấp dẫn, trở thành điểm thu hút tín đồ và du khách tới thăm.

Có thể nói, chính qua hệ thống gian trung bày của các họ đạo và lễ rước cộ, hình ảnh Phật Mẫu và cử vị Tiên Nương, trong đó có Liễu Ngũ Nương, được tự nhiên hóa để trở thành gần gũi, thân thiện với quý khách tới Thánh địa trong mỗi dịp vía Mẹ. Điều đó, có thể thấy được phần nào qua đoạn miêu tả sau đây của một vị khách đã tận mắt xem lễ rước cộ tại Thánh địa Tây Ninh vào trung thu năm 2005:

“Chiều trước rằm tháng Tám. Mười tám giờ. Đột nhiên nổi lên âm thanh lễ hội rộn rã và tuồng như tất cả đều bật dậy, đổ xô về phía Khách đình - nơi xuất phát cuộc rước Cộ bông Phật Mẫu. Ai cũng dõi mắt chờ xem chiếc cộ chưng tượng Phật Mẫu Diêu Trì và chín vị Tiên nương năm nay ra sao. Đó là thành quả lao động mà Ban Mỹ thuật đã lao tâm khổ tứ bao ngày qua còn được giấu kín trong nhà rạp.

Cộ bông Phật Mẫu xuất hiện: Phật Mẫu ngồi trên con chim loan cao lưng lửng, rực ánh hào quang, hai bên có các Tiên nương cầm quạt theo hầu. Chín vị Tiên nương trong y phục ngũ sắc đứng quanh phía trước, từ cao xuống thấp. Tất thảy như Phật Mẫu cùng chư tiên từ trên thượng giới giáng hạ xuống phàm trần (...). Cảm giác huyền bí thiêng liêng như đã biến lễ hội thành một khoảnh khắc bỗng chợt chưa từng thấy, bứt ra khỏi thời gian của cuộc sống hằng ngày” [Khuyết danh, 2005].

4. Liễu Ngũ Nương trong điện thần Cao Đài ở địa phương

Trở lên là về Báo Ân Từ ở Thánh địa Tây Ninh. Còn ở địa phương, hiện có hệ thống thờ tự được gọi là *Điện thờ Phật Mẫu*, chủ yếu tập trung ở vùng Nam Bộ. Ở Bắc Bộ, hiện mới có một số Thánh Thất, chưa có Điện thờ Phật Mẫu.



Hình 10: Điện thờ Phật Mẫu trên đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi)¹⁵

Có thể kể đến những Điện thờ Phật Mẫu ở địa phương sau đây: Thành phố Vĩnh Long, Tân An Thịnh (Vĩnh Long), Thành phố Tân An (Long An), Sa Đéc (Đồng Tháp), Cao Lãnh (Đồng Tháp), Gò Dầu (Tây Ninh), Thành phố Sóc Trăng, Sông Cầu (Phú Yên), Chợ Mới (An Giang), Nhơn Trạch (Đồng Nai), Lý Sơn (Quảng Ngãi), Vĩnh Thuận (Kiên Giang), Nhà Bè (Thành phố Hồ Chí Minh),... Đáng chú ý là sự có mặt của Điện thờ Phật Mẫu trên đảo Lý Sơn thuộc tỉnh Quảng Ngãi (Hình 10).

Điện thờ Phật Mẫu ở địa phương theo một trong hai cách bài trí như sau: 1). Thờ giống như Báo Ân Từ của Thánh địa Tây Ninh (gian chính giữa thờ Diêu Trì Kim Mẫu, Cửu vị Tiên Nương, Bạch Vân động chư Thánh; gian bên tả thờ Chư nhân linh nam phái; gian bên hữu thờ Chư nhân linh nữ phái). Điện thờ Phật Mẫu ở Thành phố Cao Lãnh (Hình 11) là thuộc cách bài trí này; 2) Thờ giống như Điện thờ Phật Mẫu ở Trí Giác cung (không thờ Chư nhân linh nam phái và Chư nhân linh nữ phái; vì thế, gian chính giữa thờ Diêu Trì Kim Mẫu, gian bên hữu thờ Cửu vị Tiên Nương/Nữ Phật, gian bên tả thờ Bạch Vân Động chư Thánh). Ở kiểu bài trí nào thì bài vị trên các ban thờ vẫn được viết bằng chữ Hán.



Hình 11: Gian chính giữa của Điện thờ Phật Mẫu ở Cao Lãnh¹⁶

Cách thức tiến hành nghi lễ cúng tế tại Điện thờ Phật Mẫu địa phương được quy định chặt chẽ. Điểm quan trọng là, khi tham gia nghi lễ, tất cả đều mặc đạo phục như nhau, không phân biệt chức sắc và đạo hữu, để thể hiện sự bình đẳng giữa con cái của Phật Mẫu. Nhìn chung, so với Điện thờ Phật Mẫu ở trung ương (tức Báo Ân Từ ở Thánh địa Tây Ninh), có thể thấy, hình tượng Liễu Ngũ Nương nói riêng, cũng như cả chín vị Tiên Nương, tại Điện thờ Phật Mẫu địa phương, không được nổi rõ bằng.

Tạm kết

Qua các phần trình bày ở trên, trong bài viết này, chúng tôi mới chỉ đưa ra những nhận thức khái quan nhất về hình tượng Mẫu Liễu dưới tên gọi “Ngũ Nương” hay “Liễu Ngũ Nương” trong điện thần và hệ thống nghi lễ của đạo Cao Đài. Cao Đài, với tư cách là một tôn giáo mới, hiện đang thuyết minh về Bà là: một trong chín vị Nữ Phật hầu cận Đức Phật Mẫu, có trang phục màu đỏ và bảo vật cầm trên tay là cây Như Ý, chưởng quản tầng Trời thứ năm, một kiếp sống phàm trần là cô gái sinh trưởng tại làng An Thái (Nam Định) thời Hậu Lê.

Qua khảo sát sơ bộ thì có thể thấy, thuyết minh như vậy (tức dẫn giải *Liễu Ngũ Nương* là *Liễu Hạnh công chúa*) tựa như chưa hẳn là đã có ngay từ thời kỳ mở đạo (thập niên 1920), mà là hình thành dần dần ở những thời kỳ muộn hơn (có thể là thập niên 1950 hay 1970). Mà dù sớm dù muộn, thì sự “thâu nạp” hay “bước vào”, như đã nói ở lời mở đầu, là một quá trình mang nghĩa. Để bóc tách được những lớp nghĩa của quá trình đó, cần những khảo cứu tiếp theo. Hiện tại, có thể có hai gợi ý để hướng đến công việc tiếp theo.

Một là, trong 9 vị Nữ Phật, thì “Tứ Nương” hay “Gấm Tứ Nương” được xem là hóa thân của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm - người đã có công rất lớn trong việc xây dựng hình tượng Mẫu Liễu bằng văn tài trong thiên truyện xuất sắc *Vân Cát thần nữ truyện* (xem: Đoàn Thị Điểm a, b, c, d, e). Đoàn Thị Điểm giữ một vai trò quan trọng trong Cao Đài. Bà đã giáng cơ để tặng cho giáo hữu tập *Nữ trung từng phận* đồ sộ hơn *Chinh phụ ngâm*, cũng được xem là thiên tuyệt bút.

Hai là, qua nghiên cứu tư liệu lưu trữ, gần đây, học giả Trần Thu Dung có truy xét về mối quan hệ bí ẩn giữa Cao Đài và Hội Tam Điểm - một hội kín quốc tế nêu cao tinh thần nhân văn, bình đẳng, bác ái, chống thực dân. Thậm chí, không ngần ngại nhìn nhận rằng “đạo Cao Đài chỉ là hình thức khác của Hội Tam Điểm bản địa lập ra dưới hình thức tôn giáo

đễ dễ bề thu hút tín đồ” [Trần Thu Dung, 2011: 153]. Theo mạch truy xét đó, nhà nghiên cứu đi đến nhận định là chính do có quan hệ bí ẩn với Tam Điểm, mà Cao Đài đã thôn nạp Victo Hugo - một nhà văn lớn của nước Pháp có thiện cảm tương hỗ với Tam Điểm - vào trong hệ thống thần linh của mình. Và như vậy sự “thôn nạp” các đẳng linh thiêng vào điện thần Cao Đài không hẳn chỉ là trong phạm vi vấn đề tâm linh, mà còn ở trong mối quan hệ nhiều chiều với bối cảnh văn hóa - xã hội hay tâm thế của con người lúc đương thời./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Xem các nghiên cứu của Nguyễn Văn Huyền, Nguyễn Đăng Thục, Durand Maurice, Ngô Đức Thịnh, Olga Dror, Nguyễn Hải Kế, Chu Xuân Giao,... Ở phần *Tài liệu tham khảo/trích dẫn*.
- 2 Xem các nghiên cứu của Trần Ích Nguyên, Nguyễn Quốc Tuấn (2004: 59),... Các chữ đặt trong ngoặc kép (đặt ở bên trong ngoặc đơn) là của Nguyễn Quốc Tuấn. Trong phần tóm tắt cho bài viết năm 2004 của mình, Nguyễn Quốc Tuấn viết: “Bài viết giới thiệu một cách tiếp cận mới về một hiện tượng tín ngưỡng bản địa thú vị ở vùng phía Bắc và Miền Trung Việt Nam: tín ngưỡng thờ Mẫu Liễu Hạnh xuất xứ từ Phù Giầy, Nam Định. Qua nghiên cứu kỹ lưỡng các tài liệu liên quan, tác giả cố gắng chứng tỏ rằng tín ngưỡng này nên được coi là một tín ngưỡng dân gian **nhưng tốt hơn nữa là xếp vào một tôn giáo dân tộc pha trộn** (CXG nhấn mạnh). Một khi được nhìn nhận như là một tôn giáo, nó cần có một thái độ ứng xử phù hợp” (Nguyễn Quốc Tuấn, 2004). Bài viết triển khai một hướng tiếp cận mới và thú vị. Tuy nhiên, theo thiện ý của chúng tôi, do luận cứ chưa đầy đủ, nên tính thuyết phục không cao. Chúng tôi sẽ trở lại chi tiết với bài viết này ở một dịp khác.
- 3 Ảnh lấy từ Nguyên Thủy (2010): 18.
- 4 Ảnh lấy từ website *Caodaibanchinhdao* (có cắt chỉnh).
- 5 <http://caodaibanchinhdao.org/forum/showthread.php?t=2011>
- 6 Hình lấy từ Nguyên Thủy (2009): 24. Hình chìm ở dưới là cây Như Ý.
- 7 “Bài thờ” tức bài thơ.
Trích đoạn lấy từ Ban Thế Đạo (1970): 22. Tác giả bài viết gia bút bằng khoanh màu đỏ để đánh dấu phần của Ngũ Nương.
- 8 Theo thông tin của VOV thì: “Ngày 19/9, tức ngày rằm tháng tám năm Quý Ty (2013), hơn 200.000 lượt người đã đến tham dự đại lễ Hội Yên Diêu Trì Cung tại Tòa Thánh Tây Ninh” (xem: Thanh Thúy, 2013).
- 9 Thuyết pháp của Hộ pháp Phạm Công Tắc (tại ĐềnThánh ở Tây Ninh, vào đêm rằm tháng 8 năm Mậu Tý, 1948): “*phẩm-tước và giai-cấp đối với Phật-Mẫu không có giá-trị, vì Phật-Mẫu không muốn đưa nào áp-bức đưa nào cả*” (Nguyên cả đoạn là “Trong cửa Đạo Cao-Đài có hai đền thờ: một đền thờ, ta ngó thấy trật-tự hàng-ngũ, bởi từ nguyên-căn tâm-hồn của chơn-linh chúng ta đều có trong hàng Phẩm Cứu-Thiên Khai-Hóa cả. Quý phái như thế! Còn một đền thờ nữa, thờ Phật-Mẫu tức là mẹ của chúng ta, thì cái quý-phái của chúng ta không còn giá-trị gì nữa. Đến Phật-Mẫu không muốn cả Chức-Sắc Thiên-Phong đi đến đền thờ của Người và Người nhứt định không chịu điều ấy, vậy phẩm-tước và giai-cấp đối với Phật-Mẫu không có giá-trị, vì Phật-Mẫu không muốn đưa nào

- áp-bức đũa nào cả, hành tàn như vậy bị tiêu diệt.”) [Dẫn lại theo Tùng Thiên - Từ Bạch Hạc (2010), “Phụ lục 6”].
- 10 Hình gốc lấy từ Giải Tâm (1978). Tác giả bài viết có gia bút một khoanh màu đỏ để đánh dấu phần của Ngũ Nương.
 - 11 Ảnh gốc lấy từ Ngô Ngọc Hà (2013). Tác giả bài viết có cắt chỉnh.
 - 12 Hình lấy nguyên từ Tùng Thiên - Từ Bạch Hạc (2010), Chương 4: “Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung”). Sơ đồ này được Tùng Thiên - Từ Bạch Hạc diễn giải như sau: “Phía sau 2 dãy ghế của Cửu vị Tiên Nương, mỗi bên có đứng hầu 9 cô Giáo Nhi, sắp thành một hàng dài, mặc Đạo phục toàn trắng, đầu bịt khăn vàng. Kế bàn Nội nghi, về phía trong có đặt thêm 2 cái bàn, một lớn một nhỏ. Bàn lớn dùng để đặt các hoa quả hay phẩm vật của quan khách hiến lễ Đức Phật Mẫu. Bàn nhỏ đặt chai rượu Champagne và Trà để Chúc Sắc Hiệp Thiên Đài bồi tửu và châm trà hiến lễ Đức Phật Mẫu và Cửu vị Tiên Nương. Phía trước Bàn thờ Chư Chơn Linh Nam phái có đặt một bàn tròn thấp và các băng vòng cung bao quanh để Ban Nhạc ngồi đờn hiến lễ”.
 - 13 Hai ảnh 8 và 9 được sưu tập vào năm 2011 từ blog Yahoo của một tín đồ đạo Cao Đài (<http://vn.360plus.yahoo.com/caothaixuyen/article?mid=19&fid=-1>). Nhưng hiện nay (4/2014), hệ thống blog Yahoo đã bị đóng cửa. Tư liệu chỉ còn được lưu trong hồ sơ tư liệu của tác giả bài viết.
 - 14 Hình gốc lấy từ Giải Tâm (1978). Tác giả bài viết có gia bút một khoanh màu đỏ để đánh dấu vị trí của Ngũ Nương.
 - 15 Ảnh lấy từ Thanh Phong (2013a).
 - 16 Ảnh lấy từ Thanh Phong (2013b).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Thế Đạo (Văn phòng Ban Thế Đạo thuộc Tòa Thánh Tây Ninh) (1970), *Đặc san Thế Đạo*, Số tháng 5 năm 1970, Số đặc biệt kỷ niệm ngày triều thiên của Đức Hộ pháp Phạm Công Tắc (17/5/1959), KD số 2348-BTT/PHNT ngày 1/6/1970, 63 trang.
2. Ban Thế Đạo Hải ngoại (Hiền tài Nguyễn Trung Đạo sưu tầm) (2010), *Cẩm nang người tín đồ Đạo Cao Đài* (Bộ sách Bước đầu tìm hiểu Đạo Cao Đài, Quyển 8), Ban Thế Đạo Hải ngoại ấn hành.
3. Cao Đài giáo Hải ngoại (1994), *An Outline of Caodaism*, Nxb. Chân Tâm (Hoa Kỳ).
4. Chu Xuân Giao, Phan Lan Hương (2008a), “Truy tìm những khoảnh chân thực riêng lẻ: Về thời điểm xuất hiện của Phủ Tây Hồ từ góc nhìn nhân loại học lịch sử”, *Văn hóa Dân gian*, số 3 (117).
5. Chu Xuân Giao, Phan Lan Hương (2008b), *Nghiên cứu cơ bản về Phủ Tây Hồ - Báo cáo số 1: Di tích và lễ hội Phủ Tây Hồ*, Công trình nhận giải 3B năm 2008 của Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, 124 trang chính văn (Hiện lưu tại Văn phòng Hội).
6. Chu Xuân Giao, Phan Lan Hương (2010), “Ngọc Quýnh Hoa hay Ngọc Quỳnh Hoa: Về cách đọc và hiểu một câu trong bài thơ tiên của Chúa Liễu”, *Hán Nôm*, số 2 (99).
7. Chu Xuân Giao, Phan Lan Hương (2013), “Mẫu Liễu với sự kiện phát hiện ngọc phả bằng đồng ở đền Sòng năm 1939 : Bối cảnh, nội dung và dư luận”, trong *Thông báo Văn hóa 2011-2012* (Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Nxb. Tri thức, Hà Nội: 307-345).

8. Chu Xuân Giao (2009), “Về một ngộ nhận liên quan đến Tứ bất tử: Soạn giả Thanh Hòa Tử và cuốn *Hội chân biên*”, *Văn hóa Dân gian*, số 1 (121).
9. Chu Xuân Giao (2010), “Bổ túc tư liệu về thời điểm xuất hiện của Phù Tây Hồ : Bàn về tính xác thực của sắc phong mang niên đại 1887 và hiệu chỉnh nội dung của nó”, *Hán Nôm*, số 6 (103).
10. Chu Xuân Giao (2010), “*Quảng Cung Linh Từ* trong nguồn tư liệu Hán Nôm: Sơ bộ tổng quan đến thời điểm ấn tống *Cát thiên tam thế thực lục* (1913)”, trong sách *Phủ Quảng Cung trong hệ thống Đạo Mẫu Việt Nam* (Trung tâm Nghiên cứu và Bảo tồn Văn hóa tín ngưỡng Việt Nam, Ủy ban nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội).
11. Chu Xuân Giao (2013), “Mẫu Liễu Thanh Sam: Bước đầu nghiên cứu về nhóm văn bản chép sự tích *Liễu Hạnh* chúa xuất hiện từ thời Lý”, trong sách *Văn hóa thờ Nữ thần - Mẫu ở Việt Nam và châu Á: Bản sắc và giá trị* (Hội Folklore châu Á, Trung tâm Nghiên cứu và Bảo tồn Văn hóa Tín ngưỡng Việt Nam, Nxb. Thế giới, Hà Nội: 326 - 341).
12. Chu Xuân Giao (2013), “Mẫu Liễu với lần giáng trần thứ ba qua nguồn tư liệu viết ở Nga Sơn và Nghĩa Hưng”, Bản thảo 54 trang tham dự *Hội nghị Thông báo Văn hóa 2013* (Viện Nghiên cứu văn hóa, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam).
13. Chu Xuân Giao (2013), *Mẫu Liễu và những vận động giải phóng dân tộc - Nghiên cứu trường hợp Trần Tấn Bình trong mối quan hệ với đền Cổ Lương và phủ Tây Hồ ở Hà Nội*, Đề tài nghiên cứu cấp cơ sở năm 2013, Bản thảo 60 trang hiện lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Văn hóa.
14. Chu Xuân Giao (2014), *Mẫu Liễu trong các tác phẩm thời kỳ đầu tiên của người phương Tây*, Đề tài nghiên cứu cấp cơ sở năm 2014, Bản thảo 46 trang hiện lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Văn hóa.
15. Chu Xuân Giao (2015), “Mẫu Liễu trong các tác phẩm thời kỳ đầu tiên của người phương Tây”, *Nghiên cứu tôn giáo*, số 8 (146): 48-77.
16. Chu Xuân Giao (2016), “Mối quan hệ giữa đền Cổ Lương và phủ Tây Hồ - Hà Nội qua câu đối thờ Mẫu Liễu”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3 (153): 94-122.
17. Durand Maurice (1959), *Technique et Pantheon des Mediums Vietnamiens* (Đồng), Publications De L'école Francaise D'extrême-Orient, Volume XLV, École Francaise D'Extreme-Orient [*Kĩ thuật và điện thờ của Đồng ở Việt Nam*].
18. Đào Duy Anh (Sưu tầm, khảo chứng), Nguyễn Thị Thanh Xuân (phiên âm, chú thích) (2007), *Kinh Đạo Nam: Thơ văn giáng bút của Mẫu Liễu Hạnh và các vị nữ thánh*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
19. Đào Thái Hanh (1997 [1914]), “La deesse Liễu Hạnh”, Tạp chí BAVH (Bản dịch tiếng Việt: Đặng Như Tùng dịch, Bửu Ý hiệu đính, “Thánh Mẫu Liễu Hạnh”, trong *Những người bạn cổ đô Huế*, Tập I, 1914, Nxb. Thuận Hóa, Huế).
20. Đoàn Thị Diễm a, 傳奇新譜, Bản chép tay, Kí hiệu R.1611, Thư viện Quốc gia, Hà Nội.
21. Đoàn Thị Diễm b, 雲霧神女傳, Bản chép tay, Kí hiệu R.22, Thư viện Quốc gia, Hà Nội.
22. Đoàn Thị Diễm c, 雲霧神女傳, Bản hiệu lục toàn văn của Trần Ích Nguyên 陳益源 với bản nền in khắc gỗ năm Gia Long 10 (1811), trong *Trần Ích Nguyên 陳益源* 2007.
23. Đoàn Thị Diễm d, *Truyện kỳ tân phá*, Ngô Lập Chi, Trần Văn Giáp dịch và chú thích, Phạm Văn Thắm giới thiệu, trong Trần Nghĩa (chủ biên, 1997).
24. Đoàn Thị Diễm e, *Truyện thần nữ Vân Cát*, Bùi Hạnh Cẩn, Lê Trân dịch (dịch theo sách *Truyện kỳ tân phá*, bản in năm Gia Long 10), trong Bùi Hạnh Cẩn, Lê Trân (1993).

25. Đỗ Thiện (Thien Do) (2003), *Vietnamese Supernaturalism: Views from the Southern Region* (Anthropology of Asia series), London: Routledge Curzon.
26. Đỗ Thiện (2007), “Unjust-Death Deification and Burnt Offering: Towards an Integrative View of Popular Religion in Contemporary Southern Vietnam”, trong *Modernity and Re-enchantment: Religion in Post-revolutionary Vietnam* (Edited by Philip Taylor, Singapore, Institute of Southeast Asian Studies): 161 - 193.
27. Đức Nguyên (Nguyễn Văn Hồng) (2012a [2000, 2003]), *Cao Đài từ điển*, Quyển 1, Bản Ebook do Thánh Thất New South Wales ấn hành theo bản hiệu đính 03-2003, 1814 trang.
28. Đức Nguyên (Nguyễn Văn Hồng) (2012b [2000, 2003]), *Cao Đài từ điển*, Quyển 2, Bản Ebook do Thánh Thất New South Wales ấn hành theo bản hiệu đính 03-2003, 1882 trang.
29. Gabriel Gobron (1948), *Histoire du caodaïsme: bouddhisme rénové, spiritisme annamite, religion nouvelle en Eurasie*, Paris: Dervy.
30. Gabriel Gobron (Phạm Xuân Thái dịch từ tiếng Pháp, 1950), *History and philosophy of Caodaism: reformed Buddhism, Vietnamese spiritism, new religion in Eurasia*, Nxb. Tu Hai, Sai Gon.
31. Giải Tâm (1978), “Sở giải Hội Yến Diêu Trì Cung” (Viết tại Thánh địa 20 - 11 Mậu Ngọ - 19/12/1978), Bản đăng trên website *Tủ sách Đại Đạo*. <http://www-personal.usyd.edu.au/~cdao/booksv/BuiVanTiep/SoGiaiHoiYenDTC/SoGiaiHoiYenDTC-center.htm>
32. Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh (2011a [1972]), *Thánh ngôn hiệp tuyển*, Bản Ebook do Thánh Thất New South Wales ấn hành theo bản in năm 1972 (In tại Nhà in Giáo hóa Thiếu nhi Thủ Đức), 402 trang.
33. Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh (2011b [1972]), *Pháp chánh truyền*, Bản Ebook do Thánh Thất New South Wales ấn hành theo bản in năm 1972 bởi Tòa Thánh Tây Ninh (In tại Nhà in Giáo hóa Thiếu nhi Thủ Đức), 124 trang.
34. Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh (2011c [1972]), *Lời thuyết đạo của Đức Hộ pháp*, Bản Ebook do Thánh Thất New South Wales ấn hành theo bản in năm 1970 bởi Tòa Thánh Tây Ninh, 1452 trang.
35. Hồng Phúc (2010 [2000]), “Từ Bà chúa Liễu Hạnh trong tín ngưỡng dân dã đến Đức Thánh mẫu Văn Hương trong Tam kỳ phổ độ”, Bản đăng trên website *Nhịp cầu giáo lý* (<http://www.nhipcaugiaoly.com/post?id=619>, ngày 20/09/2010).
36. Huệ Chương (2011 [1929]), *Đại Đạo truy nguyên và phu thể yếu luận*, Ebook do Tầm Nguyên ấn hành tại California dựa theo bản in năm 1929 (Sài Gòn, Nhà in Võ Văn Vân), 67 trang.
37. Huệ Phong (1970), *Quang cảnh tòa thánh Tây Ninh lược giải*, Hội thánh Phước Thiện giữ bản quyền, 84 trang.
38. Huệ Phong (1995), *Báo Ân Từ - Nội tâm và ngoại diện*, Tòa Thánh Tây Ninh, 39 trang.
39. Hưng Thế Nguyên (Đinh Sĩ Rước, 1967), *Việt giáo phục hưng* (Giáo lý cương yếu), In lần thứ nhất (Việt lịch 4846 Đinh Mùi), Do Ủy ban Vận động thành lập Giáo hội ấn loát và tổng phát hành, Sài Gòn.
40. Khuyết danh (1964), *Vân Hương Thánh Mẫu Tam Vị Đại Từ Tôn* (Vân Hương Chánh Nhất Vị Thánh Mẫu Liễu Hạnh Công Chúa, Sắc phong Chế Thắng Bảo Hòa Diệu Đại Vương, Thượng Thượng Đẳng Tối Linh Tôn Thần, Tam Thế Thực Lục Giáng Bút Chân Kinh), Sài Gòn: Nhà in Nguyễn Bá (171 Phạm Ngũ Lão), 112 trang.

41. Khuyết danh (1974), *Vân Hương Thánh Mẫu Tam Vị Đại Từ Tôn* (Vân Hương Chánh Nhất Vị Thánh Mẫu Liễu Hạnh Công Chúa, Sắc phong Chế Thắng Bảo Hòa Diệu Đại Vương, Thượng Thượng Đẳng Tối Linh Tôn Thần, Tam Thế Thực Lục Giáng Bút Chân Kinh), Huế : Nhà in Tương Lai (146 Bạch Đằng), 112 trang.
42. Khuyết danh (2005), “Rằm trung thu đi rước Cô Bà”, Website báo *Người lao động* (ngày 18/9/2005). <http://nld.com.vn/van-hoa-van-nghe/ram-trung-thu-di-le-ruoc-co-ba-127107.htm>.
43. Lê Văn Trung, Lê Văn Lịch (Ban hành và phụng soạn, 1928), *Tứ thời nhật tụng kinh*.
44. Ngô Đức Thịnh (chủ biên, 2002), *Đạo Mẫu ở Việt Nam*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
45. Ngô Đức Thịnh (2009), *Đạo Mẫu Việt Nam* (Tập1 và 2), Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
46. Ngô Ngọc Hà (2013), “Kính mừng đại lễ Hội Yến Diêu Trì cung - Quý Ty niên (2013)”, Website *caodaitoathanhtayninh* (ngày 20/9/2013). <http://caodaitoathanhtayninh.org/diendan/showthread.php?>
47. Nguyễn Thủy (2009), *Hội yến Diêu Trì Cung giản lược*, Ebook do Tầm Nguyên ấn hành tại California, 119 trang.
48. Nguyễn Thủy (2010), *Đây ! Tòa Thánh Tây Ninh*, Ebook do Tầm Nguyên ấn hành tại California, 119 trang.
49. Nguyễn Đăng Thục (1964a), *Tư tưởng Việt Nam* (Tư tưởng triết học bình dân, Lịch sử triết học Đông phương), Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn.
50. Nguyễn Đăng Thục (1964b), “Tựa” (Lời tựa viết cho cuốn sách Đại đạo Tam kỳ Phổ độ Giáo lý” do Trương Văn Trảng biên soạn), In trong Trương Văn Trảng 1974 (1948).
51. Nguyễn Đình San (1995), *Việc phụng thờ Mẫu Liễu ở Phú Giày*, Luận án Phó tiến sĩ Khoa học Lịch sử, Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam - Bộ Văn hóa Thông tin (Bản lưu tại Thư viện Khoa học Tổng hợp Tp Hồ Chí Minh, kí hiệu LA 8437)
52. Nguyễn Hải Kế (2007), “Phù Dày - Mẫu Liễu trong *Tứ bất tử* nhìn từ góc độ địa - chính trị - xã hội”, trong *Việt Nam học - Kỳ yếu Hội thảo Quốc tế lần thứ hai*, Tập 4 (pp. 332-339), Nxb. Thế giới, Hà Nội.
53. Nguyễn Hương Hiếu (Nữ đầu sư Hương Hiếu) (2011 [1995]), *Đạo sử* (Quyển I và Quyển II), Bản Ebook do Thánh Thất New South Wales ấn hành năm 2011 theo bản in năm 1995 bởi Thánh Thất Tộc Đạo Westminster (có một số chỉnh sửa nhỏ mang tính kỹ thuật), 651 trang.
54. Nguyễn Quốc Tuấn (2004), “Mẫu Liễu Hạnh qua góc nhìn tôn giáo học”, *Nghiên cứu Tôn giáo* số 6: 50-59.
55. Nguyễn Văn Hồng (2011 [2000]), *Thánh ngôn hiệp tuyển I & II - Hợp nhứt & chú thích*, Bản Ebook do Thánh Thất New South Wales ấn hành, 524 trang.
56. Nguyễn Văn Hồng (2011), *Thánh ngôn sưu tập - Quyển 1* (1925-1934), Bản Ebook do Tầm Nguyên ấn hành tại California, 347 trang.
57. Nguyễn Văn Huyền (1944), *Le culte des immortels en Annam* - Bois tires du *Hội Chân Biên*, Imprimerie D'extrême - Orient (Bản dịch tiếng Việt: *Tục thờ cúng thần tiên ở Việt Nam* – Tranh khắc gỗ trích từ cuốn *Hội Chân Biên*, trong Nguyễn Văn Huyền, 1996, *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, Tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
58. Nguyễn Xuân Nô (1970), *Trích lục tiểu sử*, Tòa thánh Tây Ninh xuất bản, Bản in rônêo, 97 trang.

59. Olga Dror (2002), “Doan Thi Diem's 'Story of the Van Cat Goddess' as a story of emancipation”, *Journal of South East Asian Studies*, 33 (1), February 2002 (Bản dịch tiếng Việt: Lê Thị Huệ dịch (2006), “*Vân Cát thần nữ truyện* của Đoàn Thị Diễm: Truyện giải phóng phụ nữ”, <http://www.gio-o.com>).
60. Olga Dror (2007), *Cult, Culture, and Authority - Princess Liễu Hạnh in Vietnamese History*, University of Hawai'i Press [Tín ngưỡng, Văn hóa, và Quyền uy - Công chúa Liễu Hạnh trong lịch sử Việt Nam].
61. Phạm Quang Phúc (Biên tập, 1942), *Hội Phú Giầy - Sự tích đức Liễu Hạnh công chúa*, Nam Định : Nhà in Mỹ Thắng.
62. Tạ Chí Đại Trường (2006 [1989]), *Thần, người và đất Việt*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
63. Thanh Minh, *Báo Ân Từ thờ Phật Mẫu*, Tập tài liệu đánh máy gồm 77 trang (không ghi rõ năm tháng biên soạn, nhưng dựa vào nội dung đoán định là 1990s).
64. Thanh Phong (2013a), “Điện thờ Phật Mẫu Lý Sơn – Quảng Ngãi”, Website *Caodaibanchinhdao* (ngày 18/12/2013) <http://caodaibanchinhdao.org/forum/showthread.php?t=2130>
65. Thanh Phong, 2013b, “Điện thờ Phật Mẫu Cao Lãnh - Đồng Tháp”, Website *Caodaibanchinhdao* (ngày 23/12/2013). <http://caodaibanchinhdao.org/forum/showthread.php?t=2148>
66. Thanh Thúy (2013), “Đại lễ Hội Yến Diêu Trì Cung 2013 tại tòa thánh Tây Ninh”, Website *VOV* (ngày 20/9/2013). <http://vov.vn/Xa-hoi/Dai-le-Hoi-Yen-Dieu-Tri-Cung-2013-tai-toa-thanh-Tay-Ninh/281618.vov>
67. Thiền Giang Minh Tâm - Thanh Quang (Biên soạn, 1963 (?), “Lược thuật Tòa Thánh Tây Ninh”, Website *caodaidao* (<http://www-personal.usyd.edu.au/~cdao/booksv/LuocThuatToaThanhTN/luocthuataTTN-VIII.htm#mucluc>)
68. Tòa thánh Tây Ninh (Soạn giả: Khai Đạo Phạm Tấn Đãi), (2011 [1961]), *Giải thích Nội tâm và Ngoại tâm Đền Thánh Cao Đài Tây Ninh*, Bản Ebook theo nguyên bản ấn hành năm 1961, 54 trang.
69. Tòa thánh Tây Ninh (2012), *Những câu chuyện trong đạo (Sưu tập)*, Bản Ebook do Tâm Nguyên ấn hành tại California, 217 trang.
70. Trần Ích Nguyên 陳益源 2007, 『中越漢文小説研究』, 東亜文化出版社 [Nghiên cứu tiểu thuyết Hán văn Trung Quốc và Việt Nam].
71. Trần Thu Dung, 2011, *Đạo Cao Đài & Victor Hugo*, Hà Nội: Nxb. Thời Đại & Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây.
72. Trần Thu Dung (2013), “Vô Nguyên Giáp và Hội Tam Diễm”, Website *Bauxite Việt Nam* (ngày 06/10/2013). <http://boxitvn.blogspot.com/2013/10/vo-nguyen-giap-va-hoi-tam-iem.html>
73. Trần Văn Rạng(2011), *Công đức Đức Phật Mẫu, Cứu vị Nữ Phật*, Ebook do Tâm Nguyên ấn hành tại California, 145 trang.
74. Trương Văn Trảng (1974 [1948]), *Đại đạo Tam kỳ phổ độ Giáo lý*, Tòa thánh Tây Ninh xuất bản, Tái bản lần thứ 6, Soạn giả giữ bản quyền, 219 trang.
75. Tùng Thiên - Từ Bạch Hạc(2010 [2005]), *Ngôi thờ Đức Phật Mẫu*, Bản phổ biến trên website *Tủ sách Đại Đạo* (<http://www-personal.usyd.edu.au/~cdao/booksv/ntdpm/ntdpm.htm>)
76. Tụ Pháp Vân Đăng (2009), “Thánh Mẫu Liễu Hạnh trong Đạo Cao Đài”, *Tạp chí Cao Đài* số 2 (tháng 10 năm 2009, niên đạo 84), trang 44 - 45.

77. Văn Hải - Trường Bách (2013), “Đại Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung tại tòa thánh Tây Ninh”, Website Ban Tôn giáo Chính phủ (ngày 09/10/2013). http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/251/0/4290/Dai_Le_Hoi_Yen_Dieu_Tri_Cung_tai_toa_thanh_Tay_Ninh
78. Vũ Thành Nam (thuật giả) (1928), *Truyện Đức Tiên Hương Thánh Mẫu* (có phụ mấy bài thơ của tiên chúa giáng bút), Nam Định: Imprimerie Nguyễn Tuyên.

Abstract

THE NORTHERN GODDESS JOINED A NEW RELIGION IN THE SOUTH VIETNAM

(The case of Liễu Nữ Nương in the deity system of Caodaism)

Aiming at a new research on the cult of Mẫu Liễu (Princess Liễu Hạnh, Chúa Liễu) in Vietnam, on the basis of the contemporary view, this article tries to interpret the image of the goddess Mẫu Liễu in the deity system (Shinden) of Caodaism - a new religion was established in the Southern region (Nam Bộ) in the 1920s. Mẫu Liễu became one of the Nine Female Buddhas (Fairy - Tiên Nương) when joining the deity system of Caodaism, and dwelt in the Diêu Trì Palace (Diêu Trì Cung) in order to serve the Buddha Mother (Phật Mẫu or Diêu Trì Kim Mẫu or Cửu Thiên Huyền Nữ). Her name is “Liễu” and ranked the fifth in the Nine Female Buddhas (Cửu vị Nữ Phật) and called “Liễu Nữ Nương” or “Nữ Nương Diêu Trì Cung”. Currently, according to the Caodaists’ view, the goddess is Mẫu Liễu of “the folk religion” and also is Nữ Nương of Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, in the other word, the goddess entered in the deity system of the new religion from the folk religion. The “entering” or “gathering” is meaningful in many dimensions, it requires a monographic research. As a result of a preliminary study, this article just generalizes and focuses on awareness of the goddess Mẫu Liễu status in the deity system of Caodaism in Tây Ninh and the other regions through the Yến Diêu Trì Cung festival, and Vía Mẹ festival in the Mid-Autumn.

Keywords: Mau Lieu, Caodaism, Lieu Ngu Nuong, Great Mother/Buddha Mother (Phật Mẫu), Nine Female Buddhas/Nine Goddesses (Cửu vị Tiên nương).